TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

2. Bà Huỳnh Thị Diễm Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Trúc L, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 856, tổ 5, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Thái B, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 270, tổ 12, ấp 4, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 10/10/2018 và tại phiên tòa chị Lê Thị Trúc L trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Năm 2014 chị L và anh B tìm hiểu và yêu thương nhau được vài tháng thì sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung, anh B bộc lộ bản tính côn đồ, thường xuyên uống rượu, bia, không chăm lo cuộc sống gia đình. Khi uống rượu, bia thì anh B thường đe dọa đòi đâm, giết bạn nhậu, về nhà dùng lời lẽ thô tục chửi vợ con, phá nhà cửa cha mẹ ruột anh B, chị L cố gắng chịu đựng sống vì con. Đến khi con chung đủ 06 tháng tuổi thì anh B uống rượu về, cầm dao đi vô mùng đâm nhiều nhát vào nệm, chị L rất hoảng sợ nhưng không dám bỏ chạy vì sợ anh B đuổi theo giết chết. Cha mẹ anh B và chị L khuyên can nhiều lần, anh B cũng

không sửa đổi tính tình. Vì vậy, chi L ôm con bỏ đi và sống ly thân với anh B từ tháng 08/2015. Trong thời gian ly thân được 01 năm, anh B nhiều lần đến nhà mẹ vợ gây rối, đòi chỉ chỗ ở của chị L, Công an xã M đã can thiệp một lần.

Khoảng tháng 07/2017, anh B tìm gặp chị L năn nỉ hàn gắn tình cảm, hứa sẽ sống có trách nhiệm với gia đình, chí thú làm ăn. Đến tháng 10/2017, anh B uống rượu về đánh và đe dọa sẽ giết chết chị L, quá sợ hãi chị L về nhà mẹ ruột sống và làm đơn xin ly hôn nhưng do anh B không có mặt ở địa phương nên Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian qua, chị L và anh B có gặp nhau vài lần, anh B không thay đổi tính tình nên chị L không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh B. Đối với hành vi bạo lực gia đình của anh B, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 21/02/2015, hiện con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 10/10/2018 anh Lê Thái B trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B tìm hiểu, quen biết và yêu thương nhau, sống chung như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn.

Anh B thống nhất lời trình bày về mâu thuẫn của chị L không bổ sung nội dung nào khác. Anh B đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 21/02/2015, hiện con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh B đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi con chung, anh B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 10/10/2018 anh Lê Thái B làm đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Trúc L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có địa chỉ tại xã M, thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 10/10/2018 anh B làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/10/2018. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh B sống chung với nhau từ năm 2014, không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B uống rượu, bia về có hành vi bạo lực gia đình, dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm chị L, không chăm lo kinh tế cho gia đình. Vì vậy, chị L bế con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống xa nhau từ tháng 8/2015 đến nay, không hàn gắn được tình cảm. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh B.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/10/2018 anh B có ý kiến đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy, chị L, anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của chị L, anh B là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Lê Thái B.

Đối với hành vi bạo lực gia đình của anh B đối với chị L, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị L, anh B có 01 con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 21/02/2015, hiện con đang sống chung với chị L.

Tại phiên họp và hòa giải chị L và anh B tự nguyện thỏa thuận thống nhất: Chị L được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 21/02/2015. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B không tự nguyên cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có. Tại biên bản hòa giải ngày 10/10/2018 của Tòa án, anh B xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Lê Thái B.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lê Thị Trúc L và anh Lê Thái B.

Chị Lê Thị Trúc L được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Ngọc Q, sinh ngày 21/02/2015, hiện đang sống chung với chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B không tự nguyên cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không được bên nào được quyền ngăn cấm.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0001962 ngày 17/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị L đã nộp xong tiền án phí.

Chị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
-VKSTPCL;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

Huỳnh Kim Oanh